

**THUYẾT MINH BỘ ĐƠN GIÁ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP
CÔNG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC DO BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI
TRƯỜNG ĐẶT HÀNG, GIAO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NSNN NĂM 2019
(THEO MỨC TIỀN LƯƠNG CƠ SỞ 1.490.000 ĐỒNG/ THÁNG)**

*(Kèm theo Quyết định số 2000/QĐ-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

I. Danh mục đơn giá sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực tài nguyên nước, gồm:

1. Đơn giá sản phẩm Điều tra, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

a) Điều tra, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước mặt:

- Tỷ lệ 1/200.000;
- Tỷ lệ 1/100.000;
- Tỷ lệ 1/50.000;
- Tỷ lệ 1/25.000.

b) Điều tra, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước dưới đất:

- Tỷ lệ 1/200.000;
- Tỷ lệ 1/100.000;
- Tỷ lệ 1/50.000;
- Tỷ lệ 1/25.000.

2. Đơn giá sản phẩm Điều tra, đánh giá hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước.

Điều tra, đánh giá hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước, gồm:

- Tỷ lệ 1/200.000;
- Tỷ lệ 1/100.000;
- Tỷ lệ 1/50.000;
- Tỷ lệ 1/25.000.

3. Điều tra, đánh giá tài nguyên nước.

a) Điều tra, đánh giá tài nguyên nước mặt:

- Tỷ lệ 1/200.000;
- Tỷ lệ 1/100.000;
- Tỷ lệ 1/50.000;
- Tỷ lệ 1/25.000.

b) Điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất:

- Tỷ lệ 1/200.000;

- Tỷ lệ 1/100.000;
- Tỷ lệ 1/50.000;
- Tỷ lệ 1/25.000.

4. Đơn giá sản phẩm Khảo sát, đo đạc tài nguyên nước và đánh giá, dự báo tài nguyên nước bằng mô hình dòng chảy

4.1. Khảo sát, đo đạc tài nguyên nước mặt

a) Đo chiều sâu mực nước.

b) Đo lưu lượng:

- Đo lưu lượng bằng máy đo siêu âm (trên sông, trên kênh cứng, trên kênh tự nhiên, trong đường ống kín);

- Đo lưu lượng nước bằng phao trên kênh tự nhiên, suối;

- Đo lưu lượng nước bằng máy đo lưu tốc kế (trên sông, trên kênh cứng, trên kênh tự nhiên);

c) Khảo sát, đo đạc chất lượng nước mặt:

- Lấy mẫu nước thủ công (trên sông, trên kênh tự nhiên, trên kênh cứng);

- Đo đạc chất lượng nước bằng máy TOA (trên sông, trên kênh tự nhiên, trên kênh cứng);

- Đo đạc chất lượng nước bằng máy HACH (trên sông, trên kênh tự nhiên, trên kênh cứng).

4.2. Khảo sát, đo đạc tài nguyên nước dưới đất

a) Khảo sát, đo đạc lưu lượng, mực nước dưới đất

- Khảo sát, đo đạc lưu lượng mạch lộ bằng thùng định lượng; ván đo;

- Khảo sát, đo đạc lưu lượng một giếng khoan có sẵn thiết bị khai thác;

- Khảo sát, đo đạc lưu lượng một công trình có sẵn thiết bị khai thác;

- Khảo sát, đo mực nước trong giếng khoan hờ (chưa lắp đặt thiết bị khai thác).

b) Khảo sát, đo đạc chất lượng nước dưới đất

- Lấy mẫu nước thủ công trong giếng đào, hang karst;

- Lấy mẫu nước giếng khoan có sẵn thiết bị khai thác;

- Lấy mẫu nước giếng khoan không có sẵn thiết bị khai thác;

- Đo chất lượng nước tại hiện trường bằng máy TOA;

- Đo chất lượng nước tại hiện trường bằng máy HACH.

c) Khoan điều tra, khảo sát, thăm dò nước dưới đất.

d) Bơm hút nước thí nghiệm

- Bơm hút nước thí nghiệm giếng đào;

- Bơm hút nước thí nghiệm hang karst;

- Bơm hút nước thí nghiệm giếng khoan đường kính nhỏ;

- Bơm hút nước thí nghiệm chum;

- Bơm hút nước thí nghiệm giạt cấp.

đ) Một số công việc khảo sát khác

- Quay camera giếng khoan;

- Đo chiều sâu giếng khoan hờ (chưa lắp đặt thiết bị khai thác);
- Đo toạ độ bằng GPS cầm tay.
- 4.3 Đánh giá, dự báo tài nguyên nước bằng mô hình dòng chảy:
 - a) Đánh giá, dự báo tài nguyên nước mặt;
 - b) Đánh giá, dự báo tài nguyên nước dưới đất.
- 5. Đơn giá Quan trắc tài nguyên nước
 - 5.1. Quan trắc tài nguyên nước mặt
 - a) Quan trắc mực nước
 - b) Quan trắc lưu lượng;
 - c) Lấy mẫu nước;
 - d) Quan trắc chất lượng nước tại thực địa.
 - 5.2. Quan trắc tài nguyên nước dưới đất
 - a) Quan trắc mực nước, lưu lượng, nhiệt độ nước;
 - b) Lấy mẫu nước;
 - c) Quan trắc chất lượng nước tại thực địa;
 - d) Bơm thau rửa công trình quan trắc.
 - 5.3. Công tác nội nghiệp của quan trắc viên;
 - 5.4. Nội nghiệp văn phòng.
- 6. Đơn giá Rà soát, điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa.

II. Căn cứ tính đơn giá:

1. Định mức kinh tế kỹ thuật:

- Thông tư số 01/2015/TT-BTNMT ngày 09 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật Quan trắc và dự báo tài nguyên nước;
- Thông tư số 04/2017/TT-BTNMT ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật ngành tài nguyên và môi trường;
- Thông tư số 16/2017/TT-BTNMT ngày 25/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật Điều tra, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước;
- Thông tư số 30/2017/TT-BTNMT ngày 11/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật Điều tra, đánh giá tài nguyên nước;
- Thông tư số 36/2017/TT-BTNMT ngày 06/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật Khảo sát, đo đạc tài nguyên nước và đánh giá, dự báo tài nguyên nước bằng mô hình dòng chảy;
- Thông tư số 37/2017/TT-BTNMT ngày 06/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật Điều tra, đánh giá hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước;

- Thông tư số 71/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật Xác định dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và xây dựng quy trình vận hành liên hồ chứa;

- Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Cơ cấu tính giá sản phẩm:

Căn cứ Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường.

Trong đó:

*** Công tác ngoại nghiệp:**

+ Tỷ lệ chi phí chung 25% (nhóm II) trên chi phí trực tiếp áp dụng cho các công việc: Điều tra, đánh giá tài nguyên nước; điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải, chất thải, khí thải vào nguồn nước.

+ Tỷ lệ chi phí chung 20% (nhóm III) trên chi phí trực tiếp áp dụng cho các công việc: Hoạt động quan trắc, dự báo tài nguyên nước, giám sát tài nguyên nước; các hoạt động bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra; lập quy trình vận hành liên hồ chứa.

*** Công tác nội nghiệp:**

+ Tỷ lệ chi phí chung 15% trên chi phí trực tiếp áp dụng cho công tác nội nghiệp của tất cả các công việc nêu trên.

- Đối với đơn giá không có khấu hao tài sản cố định, chi phí chung được xác định tỷ lệ trên chi phí trực tiếp (bao gồm: chi phí nhân công; chi phí vật liệu; chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí năng lượng; chi phí nhiên liệu).

- Đối với đơn giá có khấu hao tài sản cố định (áp dụng cho các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và đầu tư) chi phí chung được xác định tỷ lệ trên chi phí trực tiếp (bao gồm: chi phí nhân công; chi phí vật liệu; chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí năng lượng; chi phí nhiên liệu; chi phí khấu hao tài sản cố định); đồng thời giá đầu vào của vật liệu, công cụ, dụng cụ, năng lượng, nhiên liệu đã loại trừ thuế GTGT.

3. Chế độ tiền lương và các khoản phụ cấp lương:

- Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ quy định về chế độ tiền lương đối với cán bộ công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

- Nghị định 17/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

- Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang;

- Thông tư 04/2019/TT-BNV ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước;

Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ công chức, viên chức thực hiện các nội dung công việc: công tác khoan, công tác bơm hút nước thí nghiệm;

- Thông tư liên tịch số 10/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp thu hút (chỉ áp dụng cho nội dung Điều tra, khảo sát, đo đạc tài nguyên nước dưới đất). Mức phụ cấp thu hút áp dụng theo công văn số 2957/BNV-TL ngày 05 tháng 10 năm 2005 của Bộ Nội vụ về chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề hoặc công việc thuộc ngành Tài nguyên và Môi trường; phụ cấp thu hút áp dụng 20% lương cấp bậc.

- Thông tư số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính - Ủy ban dân tộc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực;

- Thông tư số 41/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chế độ phụ cấp trách nhiệm công việc, phụ cấp lưu động và phụ cấp độc hại, nguy hiểm đối với viên chức quan trắc tài nguyên môi trường; điều tra cơ bản tài nguyên nước. Trong đó, phụ cấp trách nhiệm tổ trưởng áp dụng mức 3 hệ số 0,2 tiền lương cơ sở áp dụng cho tổ 05 người trở lên, chỉ tính cho tổ trưởng, đội trưởng của nhóm cán bộ kỹ thuật/công nhân. Phụ cấp lưu động áp dụng hệ số 0,4 tiền lương cơ sở cho các công việc ngoại nghiệp.

4. Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn:

- Nghị định số 191/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết về tài chính công đoàn;

- Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

- Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật việc làm về bảo hiểm thất nghiệp;

- Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn một số điều của Luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt

buộc; Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các Thông tư hướng dẫn.

(Mức trích từ ngày 1/6/2017 của Người sử dụng lao động là 23,5% tiền lương đóng bảo hiểm, gồm: BHXH 17,5%; BHYT 3%; BHTN 1%; KPCĐ 2%).

- Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc.

5. Chế độ Thuế:

Căn cứ Luật Thuế Giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008, Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế Giá trị gia tăng, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế Giá trị gia tăng, Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế Giá trị gia tăng, và các Thông tư hướng dẫn. Công văn số 14573/BTC-TCT ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính ý kiến về thuế GTGT đối với hoạt động điều tra cơ bản; Công văn số 4160/BTNMT-TC ngày 05 tháng 11 năm 2009 của Bộ TN&MT thực hiện Luật thuế GTGT đối với các hoạt động điều tra cơ bản thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

III. Phương pháp tính chi tiết các khoản mục chi phí trực tiếp

1. Chi phí nhân công:

- Đơn giá tiền lương lao động kỹ thuật, bao gồm: lương cơ bản; phụ cấp lưu động (áp dụng mức hệ số 0,4 tiền lương cơ sở cho các công việc ngoại nghiệp); phụ cấp trách nhiệm tổ trưởng (áp dụng mức hệ số 0,2 tiền lương cơ sở, tính cho tổ từ 5 người trở lên); phụ cấp thu hút áp dụng 20% lương cấp bậc (chỉ áp dụng cho nội dung Điều tra, khảo sát, đo đạc tài nguyên nước dưới đất) và các khoản đóng góp theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ = 23,5%).

- Chi phí nhân công bằng số công lao động theo định mức nhân đơn giá ngày công lao động. Đơn giá ngày công lao động bao gồm:

+ Tiền lương cấp bậc;

+ Các phụ cấp lương;

+ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn.

- Ngày công lao động tháng là 26 ngày;

- Đơn giá tiền lương lao động kỹ thuật theo từng nội dung công việc, từng loại sản phẩm trong các bảng chi phí nhân công, đã tính theo số lượng định biên và cấp bậc kỹ thuật quy định trong định mức kinh tế - kỹ thuật (KT-KT);

- Đối với phụ cấp khu vực và phụ cấp đặc biệt: không tính vào đơn giá tiền lương lao động kỹ thuật, được tính đơn giá riêng (trong cột đơn giá phụ cấp khu vực 0,1 *(đã bao gồm 23,5% BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ)* và đơn giá phụ cấp đặc biệt 1%, để áp dụng tính dự toán cho phù hợp với hệ số phụ cấp quy định theo từng khu vực thi công cụ thể);

- Định mức công lao động là số lượng công nhóm hoặc công đơn theo quy định tại các định mức KT-KT.

2. Chi phí vật liệu:

- Đơn giá vật liệu: lấy theo đơn giá đã tính trong bộ đơn giá sản phẩm năm 2018 được ban hành tại Quyết định số 2215/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về ban hành đơn giá lĩnh vực tài nguyên nước năm 2018.

- Định mức vật liệu là số lượng từng loại vật liệu theo quy định tại các định mức kinh tế - kỹ thuật (KT-KT).

- Chi phí vật liệu của từng nội dung công việc hay từng loại sản phẩm, đã bao gồm hao hụt và vật liệu nhỏ là 5%-8% theo quy định tại các định mức kinh tế - kỹ thuật.

- Đối với các nội dung công việc định mức kinh tế - kỹ thuật tính cho bước công việc lớn và quy định hệ số phân bổ cho các bước công việc nhỏ, đã phân bổ chi phí cho từng bước công việc nhỏ theo hệ số quy định tại các định mức kinh tế - kỹ thuật.

3. Chi phí công cụ, dụng cụ:

- Đơn giá công cụ dụng cụ: cách tính theo nguyên tắc như mục vật liệu nêu trên;

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá sử dụng} \\ \text{công cụ, dụng cụ} \\ \text{phân bổ 1 ca} \end{array} = \frac{\text{Đơn giá công cụ, dụng cụ}}{\text{Niên hạn sử dụng công cụ, dụng cụ} \\ \text{theo định mức (tháng)}} \times 26 \text{ ca}$$

- Định mức công cụ, dụng cụ là số lượng ca cần sử dụng, của từng nội dung công việc hay từng loại sản phẩm theo quy định tại các định mức KT-KT.

- Chi phí công cụ, dụng cụ của từng nội dung công việc hay từng loại sản phẩm, đã bao gồm công cụ nhỏ là 1,5%-5% theo quy định tại các định mức KT-KT.

- Đối với các nội dung công việc định mức KT-KT tính cho bước công việc lớn và quy định hệ số phân bổ cho các bước công việc nhỏ, đã phân bổ chi phí cho từng bước công việc nhỏ theo hệ số quy định tại các định mức KT-KT.

4. Chi phí năng lượng:

- Là chi phí sử dụng năng lượng dùng cho máy móc thiết bị vận hành trong thời gian tham gia sản xuất sản phẩm.

- Đơn giá điện năng tính theo giá bán thực tế quy định tại Quyết định số 648/QĐ-BCT ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về giá bán điện (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) áp dụng cho đơn vị sự nghiệp tự thực hiện là 2.092 đồng/kwh, áp dụng cho doanh nghiệp thực hiện là 2.011 đồng/kwh.

- Định mức tiêu hao điện năng của từng nội dung công việc hay từng loại sản phẩm theo quy định tại các định mức KT-KT.

- Đối với các nội dung công việc định mức KT-KT tính cho bước công việc lớn và quy định hệ số phân bổ cho các bước công việc nhỏ, đã phân bổ chi phí cho từng bước công việc nhỏ theo hệ số quy định tại các định mức KT-KT.

5. Chi phí nhiên liệu:

- Là chi phí nhiên liệu dùng cho máy móc thiết bị vận hành trong thời gian tham gia sản xuất sản phẩm.

Đơn giá xăng, dầu: tính theo giá bán thực tế bình quân từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đến ngày 17 tháng 5 năm 2019, cụ thể: mức giá xăng là 18.674 đồng/lít, dầu diezen là 16.945 đồng/lít, dầu mazut là 14.671 đồng/lít.

6. Chi phí khấu hao tài sản cố định:

- Nguyên giá thiết bị: cách tính theo nguyên tắc như mục vật liệu nêu trên.

- Số ca máy sử dụng một năm: Máy ngoại nghiệp là 250 ca; máy nội nghiệp là 500 ca (theo quy định tại Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường).

- Thời gian sử dụng thiết bị căn cứ theo: Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

- Định mức sử dụng thiết bị là số lượng ca cần sử dụng, của từng nội dung công việc hay từng loại sản phẩm theo quy định tại các định mức KT-KT.

- Chi phí sử dụng thiết bị của từng nội dung công việc hay từng loại sản phẩm, đã bao gồm chi phí sử dụng tất cả các thiết bị theo quy định tại các định mức KT-KT (trừ tiêu hao điện năng).

- Đối với các nội dung công việc định mức KT-KT tính cho bước công việc lớn và quy định hệ số phân bổ cho các bước công việc nhỏ, đã phân bổ chi phí cho từng bước công việc nhỏ theo hệ số quy định tại các định mức KT-KT.

IV. Phần tổng hợp đơn giá sản phẩm và hướng dẫn áp dụng:

1. Phần tổng hợp Đơn giá sản phẩm, bao gồm: các khoản mục chi phí trực tiếp (như cách tính nêu trên) và chi phí chung.

Chi phí chung được xác định theo tỷ lệ % trên chi phí trực tiếp theo quy định tại Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường;

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan quản lý nhà nước đã được ngân sách nhà nước cấp kinh phí chi thường xuyên, thực hiện nhiệm vụ, dự án (nếu có) được tính chi phí quản lý chung tối đa 25 triệu đồng/năm/nhiệm vụ, dự án, đối với nhiệm vụ, dự án có tổng chi phí trực tiếp đến 5 tỷ đồng; trường hợp nhiệm vụ, dự án có tổng chi phí trực tiếp lớn hơn 5 tỷ đồng thì cứ 1 tỷ đồng tăng thêm được bổ sung 0,003 của phần tăng thêm.

2. Hướng dẫn áp dụng bộ đơn giá sản phẩm:

- Bộ đơn giá sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực tài nguyên nước theo mức tiền lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng được áp dụng đối với khối lượng sản phẩm hoàn thành, thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; đơn vị sự nghiệp NSNN bảo đảm chi thường xuyên: sử dụng đơn giá không có khấu hao tài sản cố định.

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư hoặc thực hiện theo phương thức đấu thầu, kí hợp đồng cho các tổ chức bên ngoài: sử dụng đơn giá có khấu hao tài sản cố định (đã loại trừ phần thuế giá trị gia tăng đối với các yếu tố đầu vào: chi phí vật liệu; chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí năng lượng; chi phí nhiên liệu...

- Đối với các đơn vị thực hiện là đơn vị sự nghiệp công lập được Nhà nước giao biên chế, cấp kinh phí hoạt động thường xuyên, trong đơn giá sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công phải giảm trừ chi phí thường xuyên đã được ngân sách nhà nước bố trí cho số biên chế của đơn vị trong thời gian thực hiện nhiệm vụ, dự án theo quy định hiện hành.

- Các khoản phụ cấp đặc biệt, phụ cấp thu hút, phụ cấp độc hại, nguy hiểm, phụ cấp lưu động, phụ cấp khu vực, tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ xác định theo đúng quy định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành đối với từng đối tượng cụ thể.

- Đơn giá phụ cấp khu vực (PCKV) 1%: áp dụng đối với khu vực thi công có PCKV 0,1 thì đơn giá sản phẩm bằng cột đơn giá (+) cộng thêm cột PCKV 0,1 tương ứng với cột đơn giá; khu vực thi công có PCKV 0,2 thì nhân với 2 rồi cộng vào đơn giá tương ứng. Trường hợp địa bàn thi công trên phạm vi rộng có nhiều mức PCKV, thì tính bình quân chung trong toàn khu vực thi công theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Đơn giá phụ cấp đặc biệt (PCĐB) 1%: áp dụng đối với khu vực thi công có PCĐB 1% thì đơn giá sản phẩm bằng cột đơn giá (+) cộng thêm cột PCĐB 1% tương ứng với cột đơn giá; khu vực thi công có PCĐB 2% thì nhân với 2 rồi cộng vào đơn giá tương ứng. Trường hợp khu vực thi công trên phạm vi rộng có nhiều mức PCĐB, thì tính bình quân chung trong toàn khu vực thi công theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Đối với sản phẩm, dịch vụ có sử dụng các dữ liệu đã được tính chi phí trong sản phẩm khác thì không tính trong đơn giá sản phẩm chi phí để tạo ra dữ liệu.

- Đối với nội dung công việc “Phục vụ kiểm tra, nghiệm thu”: đã cắt giảm theo tỷ lệ 1,5% đơn giá trong tất cả các bước công việc của Bộ đơn giá sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực tài nguyên nước cho phù hợp với quy định tại Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường.

- Khi đơn vị thực hiện quyết toán, thanh tra, kiểm toán với cơ quan có thẩm quyền, trường hợp có những khoản chi phí không được coi là hợp lý, hợp lệ để tính vào trong chi phí theo kết luận của các cơ quan này thì phải giảm trừ phần chi phí đó và xử lý theo quy định hiện hành của pháp luật về kế toán, kiểm toán, thuế và pháp luật có liên quan./.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG